

Phụ lục II

**DANH MỤC, THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN, TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
VÔ HÌNH (TRỪ THƯƠNG HIỆU CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

STT	DANH MỤC	THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN (năm)	TỶ LỆ HAO MÒN (%/năm)
I	Quyền tác giả và quyền liên quan đến tác giả		
	– Tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học	25	4
	– Tác phẩm sân khấu, điện ảnh	25	4
	– Tác phẩm âm nhạc	25	4
	– Tác phẩm báo trí	25	4
	– Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng	25	4
	– Tác phẩm nhiếp ảnh	25	4
	– Chương trình máy tính	5	20
	– Dữ liệu sưu tập	25	4
	– Quyền tác giả khác	25	4
II	Quyền sở hữu công nghiệp		
	– Bằng phát minh, sáng chế	20	5
	– Bản quyền phần mềm máy tính	25	4
	– Bằng độc quyền giải pháp hữu ích	10	10
	– Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp	10	10
	– Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, tên thương mại	10	10
	– Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn	15	6,67
	– Quyền sở hữu công nghiệp khác	10	10

STT	DANH MỤC	THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN (năm)	TỶ LỆ HAO MÒN (%/năm)
III	Quyền đối với giống cây trồng		
	– Giống cây thân gỗ	25	4
	– Giống cây lúa	5	20
	– Giống cây trồng khác	20	5
IV	Phần mềm ứng dụng		
	- Nhóm Phần mềm hệ thống	5	20
	- Nhóm Phần mềm ứng dụng	5	20
	- Nhóm Phần mềm công cụ	5	20
	- Nhóm Phần mềm tiện ích	5	20
	- Phần mềm khác	5	20
V	Tài sản cố định vô hình khác (trừ quyền sử dụng đất)	5	20